TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 212/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 11 – 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Ông Lê Văn Công.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: 2 khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Quang H1, sinh năm 1977; địa chỉ: 2 khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang H1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2002 ngày 17/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H chung sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng bà H thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt không hạnh phúc. Từ năm

2022 do mâu thuẫn trầm trọng nên bà H đã chuyển ra sống riêng và vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, bà H xác định không còn tình cảm với ông H1 nên vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ với nhau. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quang H1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Trúc H2, sinh ngày 07/8/2003 và Trần Nguyễn Tuấn H3, sinh ngày 17/4/2006. Do các con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Trích lục kết hôn, giấy khai sinh của cháu H2, cháu H3; căn cước công dân của bà H và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của bà H.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Quang H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy giữa bà H và ông H1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, đã sống ly thân và không thể đoàn tụ để chung sống hạnh phúc. Do đó, bà H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; ông Trần Quang H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Quang H1 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quang H1 cư trú tại: 2 khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang H1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2002 ngày 17/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn để duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà H xác định giữa bà và ông H1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi vã khiến cho gia đình không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ ông H1 không quan tâm và không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Trúc H2, sinh ngày 07/8/2003 và Trần Nguyễn Tuấn H3, sinh ngày 17/4/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 238, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sira đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phíTòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc Ly hôn đối với bị đơn ông Trần Quang H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Quang H1.

- Về con chung: Con chung tên Trần Nguyễn Trúc H2, sinh ngày 07/8/2003 và Trần Nguyễn Tuấn H3, sinh ngày 17/4/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng ăn phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005740 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Khánh Linh